

# VỀ MỘT SỐ MÔ HÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO NGHỀ TRÊN THẾ GIỚI

○ ThS. NGUYỄN TUYẾT LAN\*

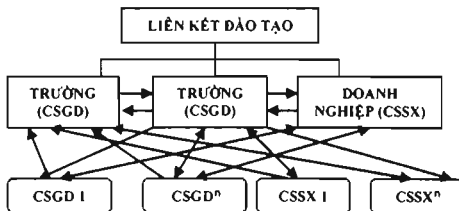
**C**hiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 rất quan tâm tới việc đầu tư phát triển đào tạo (ĐT) nhân lực, đặc biệt ĐT nhân lực chất lượng cao. Trong 8 nhóm giải pháp căn bản được đặt ra cho giáo dục nước nhà khi bước vào nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xã hội hoá giáo dục, hội nhập quốc tế, giải pháp thứ 5 khẳng định: «*Tăng cường gắn ĐT với sử dụng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội*» (1) - cụ thể: «*Quy định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa Bộ GD-ĐT với các bộ ngành, địa phương; giữa các cơ sở ĐT và doanh nghiệp trong việc xác định nhu cầu ĐT, xây dựng và đánh giá chương trình, tuyển sinh, tổ chức ĐT và thực tập tại doanh nghiệp, tuyển dụng học sinh, sinh viên tốt nghiệp*» (1). Như vậy, hướng đi đã rõ song cách thực hiện dường như còn những bất cập: phương thức liên kết ra sao? liệu doanh nghiệp có sẵn sàng bắt tay với nhà trường hay không? Thiết nghĩ, cần phải bắt đầu từ sự thay đổi tư duy trong quá trình liên kết ĐT giữa cơ sở giáo dục (CSGD) và cơ sở sản xuất (CSSX) dựa trên những kinh nghiệm về các mô hình (MH) liên kết ĐTN được áp dụng thành công trên thế giới.

## 1. Một số khái niệm

1) *Liên kết đào tạo (LKDT)* là hình thức hợp tác, phối hợp thường xuyên các hoạt động do các cơ sở ĐT này với cơ sở ĐT khác (hoặc giữa cơ sở ĐT và tổ chức kinh tế) trên cơ sở tự nguyện, hai bên cùng có lợi thông qua hợp đồng kí kết giữa các bên tham gia, nhằm mục đích khai thác tiềm năng của từng đơn vị tham gia liên kết. LKDT được thực hiện trên nhiều phương diện như: tổ chức ĐT; tài chính, cơ sở vật chất; thiết kế xây dựng chương trình ĐT; nhân sự; thông tin...

Hình thức LKDT khá đa dạng: có thể liên kết giữa CSGD này với CSGD khác; giữa 1 CSGD với nhiều CSGD; giữa 1 CSGD với 1 CSSX hoặc

nhiều CSSX; giữa 1 CSSX với 1 CSGD hoặc nhiều CSGD (xem sơ đồ).



Sơ đồ về LKĐT

## 2) Mô hình

Từ điển Tiếng Việt định nghĩa «*mô hình*» theo hai nghĩa: 1) là «*vật cùng dạng nhưng làm thu nhỏ lại nhiều, mô phỏng cấu tạo và hoạt động của một vật khác để trình bày, nghiên cứu*»; 2) «*Hình thức điển đạt hết sức gọn theo một ngôn ngữ nào đó các đặc trưng chủ yếu của một đối tượng để nghiên cứu đối tượng ấy*» (2); còn Từ điển Triết học xác định: «*MH là một sự vật được tạo ra bởi một chủ thể trên cơ sở tương tự, giống nhau về cấu trúc, chức năng hoặc hành vi so với nguyên mẫu tương ứng, được sử dụng để có thể giải quyết những nhiệm vụ mà việc thực hiện chúng bằng các thao tác trực tiếp lên nguyên mẫu là khó khăn hoặc hoàn toàn không thể được hay quá tốn kém trong điều kiện đã cho*» (3). Như vậy, MH là một mô phỏng bằng thực thể hay bằng khái niệm một số thuộc tính và quan hệ đặc trưng của một đối tượng nào đó (gọi là nguyên hình hay đối tượng được MH hoá) với mục đích nhận thức, làm đối tượng quan sát thay cho nguyên hình hoặc làm đối tượng nghiên cứu về nguyên hình. Trong quản lí giáo dục, phương pháp MH hoá được áp dụng hiệu quả khi «*nghiên cứu tổng kết các đơn vị tiên tiến... để từ*

\* Trường Cao đẳng công nghệ và kinh tế Hà Nội

đó để xuất MH phát triển của nó trong tương lai" (4). Tuy nhiên, khi áp dụng MH, phải cân nhắc theo từng điều kiện cụ thể, lựa chọn và vận dụng sáng tạo, hợp lý tránh bắt chước máy móc, rập khuôn.

## 2. Một số MH liên kết ĐTN trên thế giới

Hiện nay, tại nhiều nước, đã có những MH liên kết ĐTN được vận dụng thành công như: «*ĐT kép*» (Dual System) của CHLB Đức; «*ĐT luân phiên*» (Alternation) của Pháp; «*chương trình thị trường lao động*» (Labour market programmes) của Australia; «*2+2*» của Nauy; «*ba kết hợp*» (Three in one) của Trung Quốc; «*hệ thống 2 + 1*» của Hàn Quốc; «*hệ thống hợp tác ĐTN*» (Cooperative Training System) của Thái Lan; dự án «*Đường tròn chất lượng*» (Quality Circle Project) của Ấn Độ,... Bài viết này tập trung nghiên cứu 2 MH sau:

1) **Mô hình «ĐT kép».** MH này tập trung vào sự kết hợp giữa nhà trường (CSGD) và công ti (CSSX). Trong đó, các công ti cung cấp các kiến thức và kĩ năng thực tế, đặc biệt là khối kiến thức, kĩ năng phù hợp với công nghệ sản xuất của chính họ; còn nhà trường sẽ cung cấp kiến thức lí thuyết cơ bản. Sự phát triển hai «nền tảng» cùng song song ĐT như vậy tạo cho MH nhiều lợi thế và đã được ưu hiệu quả thiết thực. Hiện tại, MH «ĐT kép» đã được áp dụng tại một số nước như: Đức, Australia, Croatia, Serbia, Slovenia, Thụy Sĩ, Đan Mạch, Pháp, Trung Quốc và một số nước châu Á.

Theo đánh giá chung, MH «ĐT kép» có nhiều lợi thế: 1) HV được cung cấp các kĩ năng cơ bản về ngành nghề đã chọn và được ĐT chuyên sâu (thời lượng học các môn chuyên ngành chiếm 60%, môn phổ thông chiếm 40%); HV có thể theo học ngành của mình tại công ti tối thiểu 3 ngày/1 tuần (tại Pháp, người học có thể học 2,5 ngày ở công ti, 2,5 ngày ở trường; hoặc 1 tuần ở công ti, 1 tuần ở trường; hay 6 tháng ở công ti, 6 tháng ở trường). 2) Chi phí ĐT do chính quyền bang trả cho học phần học tại trường theo chương trình, còn công ti trả chi phí trực tiếp cho việc ĐT thực hành tại cơ sở. 3) Hệ thống được điều chỉnh bởi nhu cầu của chính công ti, nên sau khi tốt nghiệp, HV thường có việc làm đúng chuyên ngành ĐT. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Khoa học (CHLB Đức), sau 6 tháng tốt nghiệp, 60% HV nhận được việc làm với hợp đồng 3-4 năm, sau đó kí hợp đồng làm việc vĩnh viễn; 10% thất nghiệp; 17%

tham gia quân ngũ hoặc hợp đồng ngắn hạn; 13% tham gia ĐT tiếp (5), (6).

MH «ĐT kép» đạt được hiệu quả cao như vậy bắt nguồn từ chế độ đãi ngộ đối với người tham gia giảng dạy ở CSGD và CSSX, ở sự trao đổi thông tin, sự lựa chọn đội ngũ giáo viên tay nghề cao, nhiều năm kinh nghiệm, đủ năng lực sự phạm, chuyên môn giảng dạy. Tuy nhiên, MH này hiện đang gặp phải những trở ngại chưa dễ giải quyết, đó là: ngày càng ít công ti sẵn sàng ĐT «thợ học việc»; nhiều nhân viên không chuẩn bị tâm lí vào công ti để giảng dạy, hướng dẫn thợ học việc cho dù có chính sách ưu đãi «công nhân áo trắng». Do vậy, theo chúng tôi, việc áp dụng MH vào liên kết ĐTN ở Việt Nam cần thận trọng, khi mà hệ thống chính sách đãi ngộ tại nước ta đối với người trực tiếp tham gia giảng dạy chưa theo kịp nhu cầu xã hội và sự đổi thay trên thế giới; các CSSX vẫn «mặc nhiên» bỏ nguồn nhân lực qua ĐT là nguồn «hàng hoá công cộng», không đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

2) **Mô hình «2+2»** (2 năm học đại cương và 2 năm học nghề tại nhà máy, doanh nghiệp) của Na Uy dựa trên triết lí của cựu Thủ tướng Gro Harlem Brundtland «*Mục tiêu chung của tôi cả hệ thống giáo dục ĐTN là phải cung cấp được kiến thức đồng bộ giữa lí thuyết và thực hành để người học có thể ứng dụng những kinh nghiệm thực tế vào cuộc sống*». Chủ trương này đã chi phối phương thức tổ chức liên kết ĐTN ở quốc gia này. Sự hợp tác chặt chẽ giữa 3 bên: giới chủ, công đoàn và cơ quan giáo dục đã tạo bước tiến đáng kể trong công tác ĐTN với nguyên tắc ĐT: *người học nghề kí hợp đồng với doanh nghiệp ĐT*. Trong 2 năm thực hành nghề, doanh nghiệp phải đảm bảo: trong năm thứ nhất, công nhân lành nghề hướng dẫn về kĩ thuật; ở năm thứ hai, chương trình sẽ giảm bớt các tiết học hướng dẫn, tăng yêu cầu tự học. HV được hưởng lương học việc trong cả hai năm. Khi kết thúc khóa học, HV được trao chứng nhận và tìm việc làm.

Nội dung chương trình dạy nghề do tổ chức ba bên cấp quốc gia soạn thảo, còn tổ chức ba bên cấp khu vực (Ban ĐT) sẽ xác định quy mô ĐTN, kinh phí, dịch vụ, giám sát và tổ chức các kì thi cấp chứng chỉ ĐTN. Theo đánh giá của tiêu chuẩn quốc tế, «2+2» là một MH khá toàn diện, ít khiếm khuyết khi kết hợp quá trình ĐTN với chương trình phổ thông. Dựa trên MH chung, các tổ chức ĐTN ở Na Uy đã thiết lập thêm các MH

như: «1 +3» (1 năm học ở trường, 3 năm học tại CSSX), «0+4» (4 năm học tại CSSX).

Tuy được đánh giá cao như vậy, song theo chúng tôi, việc áp dụng MH này vào Việt Nam giai đoạn hiện nay cần có thêm gian nghiên cứu, thử nghiệm bởi thị trường lao động nước ta đang trong tình trạng «thả nổi»; các CSGD, CSSX chưa thực sự «bắt tay» hợp tác với nhau; còn hiện tượng «cung» không hợp «cầu»; lực lượng lao động qua ĐT vừa thừa, vừa thiếu, vừa yếu,... rất dễ gây nên tình trạng mất cân đối trong ĐT, giảm hiệu quả quá trình liên kết.

• • •

Từ một số MH nêu trên, thiết nghĩ, hoạt động liên kết ĐTN ở Việt Nam cần có sự nhìn nhận toàn diện, tích cực hơn nhằm từng bước vươn tới mục tiêu ĐT nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Đó là: cần thay đổi tư duy ĐTN, coi chất lượng ĐTN là trách nhiệm của nhà nước, nhà trường và nhà sử dụng lao động; xây dựng hệ thống chính sách về liên kết ĐT giữa CSGD và CSSX với những cam kết ràng buộc trách nhiệm; CSGD và CSSX cùng tham gia xây dựng chương trình ĐTN, phát triển chuẩn ĐTN và đánh giá kĩ năng nghề. □

(1) Chính phủ. **Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020.**

## Học tập học phân...

(Tiếp theo trang 54)

để có nhiều hoạt động phong phú mang lại hiệu quả học tập tốt hơn. □

(1) Gerhard de Haan. "Học tính bền vững". Hội thảo - tập huấn quốc gia "Thiết kế và thực hiện các chương trình và dự án về Giáo dục vì sự phát triển bền vững (2005-2014)". Hà Nội, 2008.

### Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Ánh. *Tổ chức hoạt động ngoại khoá giáo dục môi trường cho sinh viên cao đẳng sư phạm Hà Giang qua học phân địa lí địa phương*. Luận văn thạc sĩ. Hà Nội, 2004.
2. Nguyễn Hữu Châu (chủ biên). *"Dân số sức khỏe sinh sản vị thành niên thông qua các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường"*. Dự án do Quỹ dân số Liên hiệp quốc (UNFPA) tài trợ cho Bộ GD-ĐT, 2008.
3. Nguyễn Thị Thu Hằng - Trần Đức Thuận. *"Giáo dục vì sự phát triển bền vững qua môn Địa lí"* (Tài liệu

(2) Viện Khoa học xã hội - Viện Ngôn ngữ học. **Từ điển tiếng Việt**. Trung tâm Từ điển - Ngôn ngữ. H. 1992.

(3) **Từ điển Triết học**. NXB Văn hóa thông tin. H. 2002.

(4) Trần Kiểm. **Tiếp cận hiện đại trong quản lí giáo dục**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2007

(5) Lisbeth Lundahh - Theodor Sander. **Vocational Education and training in Germany and Sweden**. *TNTEE publications volume 1*. Swende, 8/1998.

(6) Volker Ihde. **The Dual system of vocational education in Germany - Basic Assess of system and its adaptation to the challenges of the 21st century**. Germany. 2004.

### SUMMARY

*The relationship between businesses and colleges in Vietnam is now being cared. However, there is a lack of education-industry linkage eventhough the benefits of this linkage is clear. Both businesses and colleges have benefits but in the fact, both sides don't actually link together for many reasons. One of those reasons is the shortage of models of linkage between businesses and colleges. This article will analyze two typical models applying in many countries in the world such as: the dual system of Germany and "2+2" model of Noway. Each of models has advantages and disadvantages. Therefore, it is necessary to base on conditions in Vietnam to choose a suitable model which improve vocational training system.*

đạy học dành cho sinh viên khoa Địa lí). Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2009.

4. **Thập kỉ giáo dục vì sự phát triển bền vững 2005-2014**. UNESCO, 2005.

5. Đặng Văn Đức. **Lí luận dạy học địa lí (Phần đại cương)**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2007.

6. Trần Bá Hoàn. **Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa**. NXB Đại học sư phạm, 2007.

### SUMMARY

*Education for sustainable development for students in Geography Faculty of Ha Noi National University of Education by extrar curricular activities have an important role. We enquire the opinions of students into the status of education for sustainable development by extra curricular activities, the results: the students think that the extrar curricular activities are important about teaching the course Education for Sustainable Development. Organizing extrar curriculum activities to help learners have a practicality, practical skills, self-learning capability, moral values and change the behavior. However, now we organizing extrar curricular activities for students have some difficult: the opinion of students, conditions of class, time...*